

Bản án số: 51/2023/HN&GD-ST

Ngày 15 - 8 - 2023

*“V/v không công nhận vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Lỗi và ông Nguyễn Bá Tuyên.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2023/TLST-HN&GD, ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐSTXX-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1974 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon C, xã Q, huyện G, tỉnh Đăk Nông.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị V, sinh năm 1978 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:*

Ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay, không đăng ký kết hôn, lý do không đăng ký kết hôn là do nhận thức pháp luật, mỗi người làm ăn một nơi, ở vùng sâu, vùng xa nên đi lại khó khăn. Quá trình chung sống ông T và bà V sống hạnh phúc được thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân nhiều năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trong thời gian chung sống, có 04 con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Lan A hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh, không có vấn đề gì. Đối với Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/5/2006, ông T đồng ý giao cho bà V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Nay thấy mục đích sống chung

không có kết quả, kéo dài ảnh hưởng đến nhau. Vì vậy, ông Nguyễn Đình T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V là vợ chồng.

+ Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Lan A hiện đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/5/2006, ông T đồng ý giao cho bà V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phan Thị V trình bày:* Bà V đồng ý với lời trình bày trên của ông T về trình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà V xét thấy mục đích hôn nhân không có kết quả, kéo dài ảnh hưởng đến cả hai bên vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ trình bày trên như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Đình T là yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V là vợ chồng.

+ Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Lan A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/5/2006 bà V đồng ý trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và các đương sự: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1,7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Lan A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Phương T sinh ngày 19/5/2006 cho bà Phan Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những yêu cầu kiến nghị khác phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phan Thị V. Hiện nay, bà V đang sinh sống tại T 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là do ông T và bà V chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn nên khi yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung, quan hệ pháp luật được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự: Các đương sự trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống thời gian đầu sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trong gia đình. Nhưng từ năm 2008 đến nay vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, hiện mỗi người đã sống một nơi. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đã viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông T là có căn cứ, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là không được pháp luật công nhận. Hậu quả của việc ông T và bà V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4]. Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Lan A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/5/2006 cho bà V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 147, điểm a, c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V.

1.2. Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Lan A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/5/2006 cho bà Phan Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị V không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Đình T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm trên, được khấu trừ vào số tiền ông Nguyễn Đình T đã nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0002385 ngày 30/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà